

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When in traffic, drivers are requested to carry the certificate of inspection. Return certificate and inspection stamp when receiving a withdrawal notice from the Registration and Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

Perform maintenance and/or repair to the good technical conditions of the vehicle between two consecutive inspections.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Registration and Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
MOT - Vietnam Register

CẢNG HÀNG QUỐC TẾ ĐÀ NẴNG
SAO Y BẢN CHÍNH

Số:/SY.....

Ngày: 24/06/2019

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

TR. GIÁM ĐỐC

PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Số KC 8874034

Nguyễn Thị Yên

1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: 81B-1268
Registration Number

Số quản lý: 8102D-003852
(Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: (Type) ô tô con

Nhãn hiệu: (Mark) TOYOTA

Số loại: (Model code)

Số máy: (Engine Number) 4AM188082

Số khung: (Chassis Number) AE1119546502

Năm, Nước sản xuất: 1998, Nhật Bản
(Manufactured Year and Country)

Niên hạn SD: 0
(Lifetime limit to)

Kinh doanh vận tải (Commercial Use) Cải tạo (Modification)

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1470/1460 (mm)
(Wheel Formula) (Wheel Tread)

Kích thước bao: (Overall Dimension) 4295 x 1685 x 1375 (mm)

Kích thước lồng thùng xe (Inside cargo container dimension) (mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 2465 (mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 1125 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized pay load)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 1450/1450 (kg)
(Design/Authorized total mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized towed mass)

Số người cho phép chở: 5 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Xăng

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 1587 (cm³)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 69(kW)/6000vph

Số đăng ký (No) KC-8874034

47446717293

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)

1: 2; 175/70R13

2: 2; 175/70R13

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 7 năm 2019

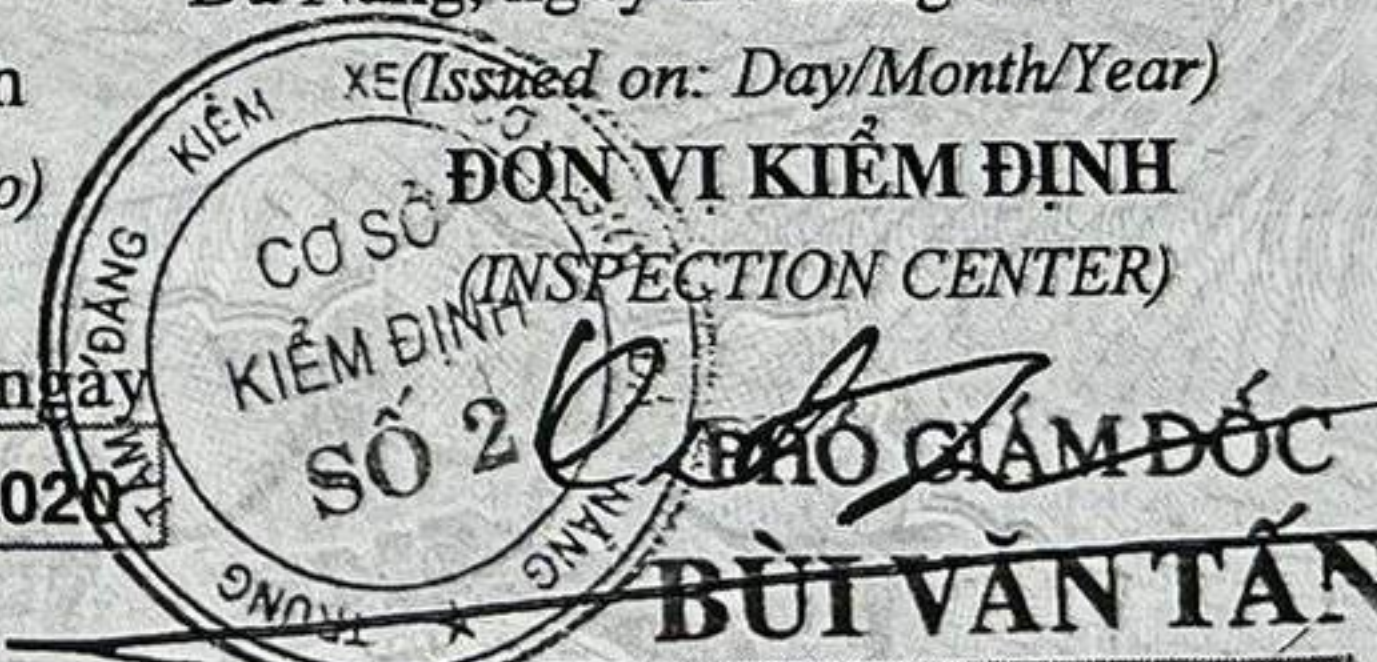
Số phiếu kiểm định (Issued on: Day/Month/Year)

(Inspection Report No)

4302S-27658/19

Có hiệu lực đến hết ngày

(Valid until) 23/01/2020



CAM 1

Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Ghi chú:

1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: 43H-3068 Số quản lý: 4301S-011276
(Registration Number) (Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: (Type) ô tô khách,
MERCEDES

Nhãn hiệu: (Mark) BENZ MB140

Số loại: (Model code) 16197110014325

Số máy: (Engine Number) KPD66116853906418

Số khung: (Chassis Number) KPD66116853906418
Năm, Nước sản xuất: 2003, Việt Nam
Niên hạn SD: 2023

(Manufactured Year and Country) (Lifetime limit to)

Kinh doanh vận tải (Commercial Use) Cải tạo (Modification)

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1520/1530 (mm)
(Wheel Formula) (Wheel Tread)

Kích thước bao: (Overall Dimension) 5340 x 1855 x 2105 (mm)

KT khoang hành lý lớn nhất (Largest luggage container dimension)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 2680 (mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 2060 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: (Design/Authorized pay load)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: (Design/Authorized total mass) 3100/3100 (kg)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (Design/Authorized towed mass)

Số người cho phép chở: 16 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm

(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Xăng

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 2295 (cm³)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 90(kW)/5000vph

Số sê-ri: (No.) KD-29085556 42614927173

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)
1: 2; 195/75R16
2: 2; 195/75R16

Đà Nẵng, ngày 4 tháng 9 năm 2020

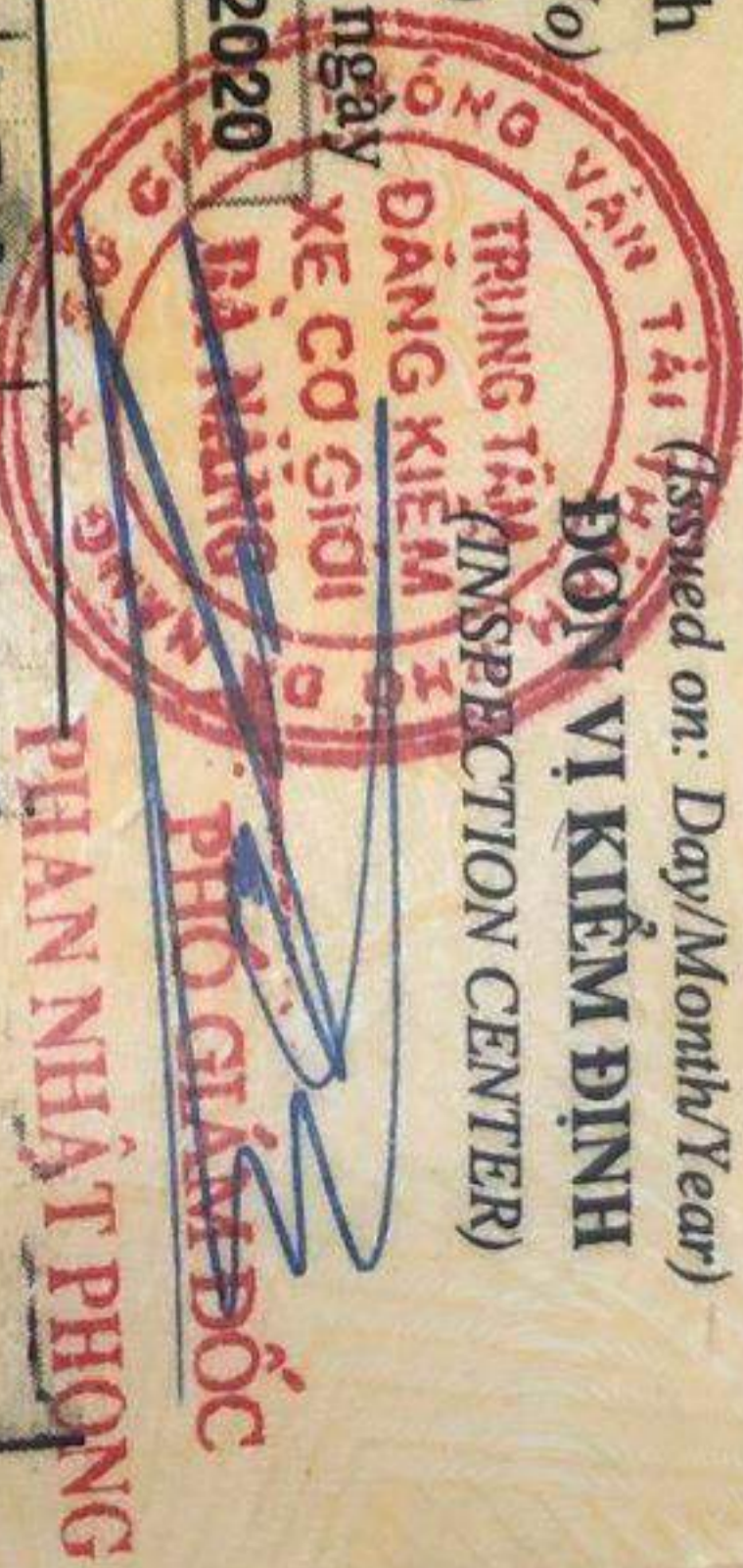
Số phiếu kiểm định

(Inspection Report No)

4301S-21591/20

Có hiệu lực đến hết ngày

(Valid until) 03/12/2020



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)
Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Ghi chú:









43H-3068

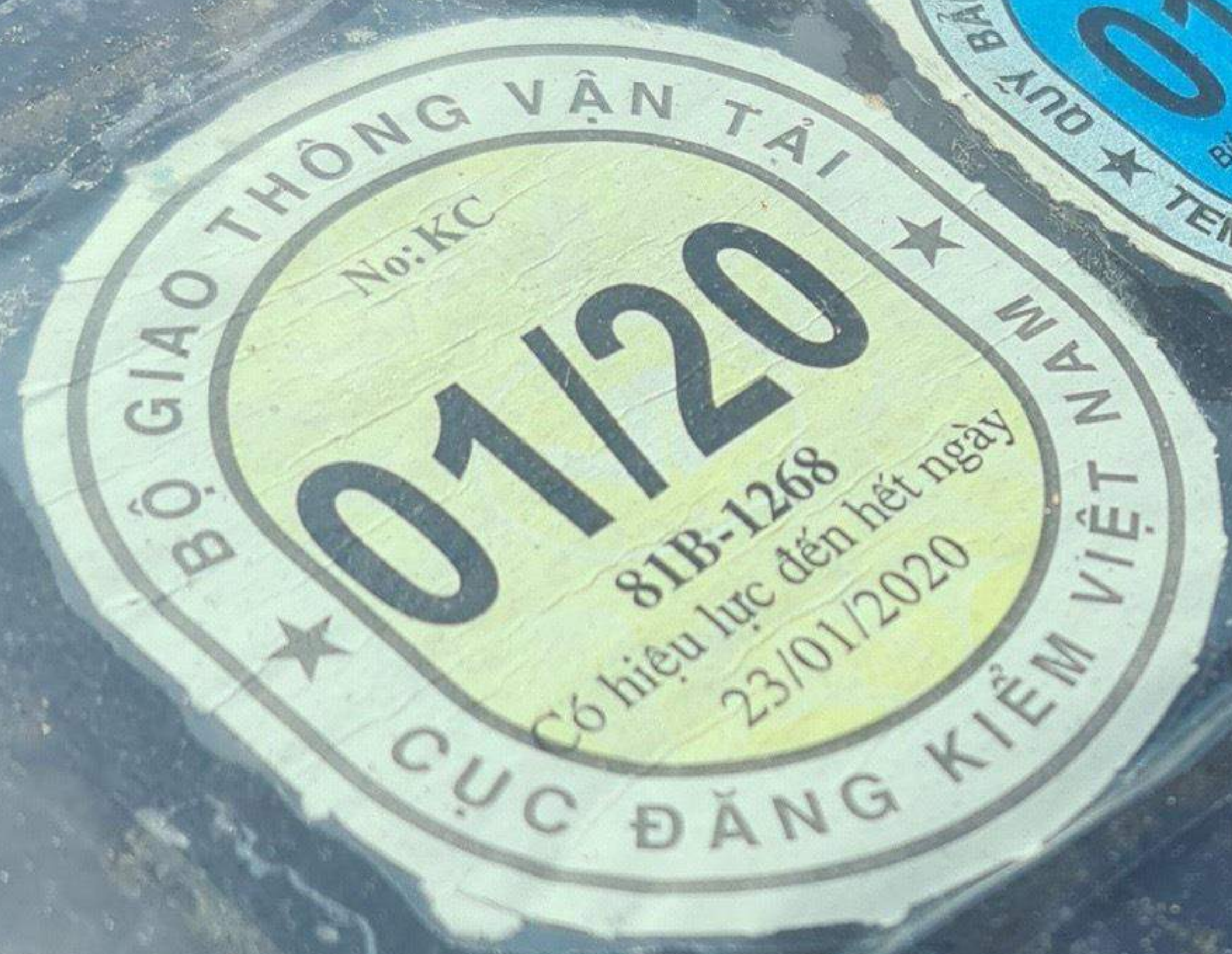


43H 3068

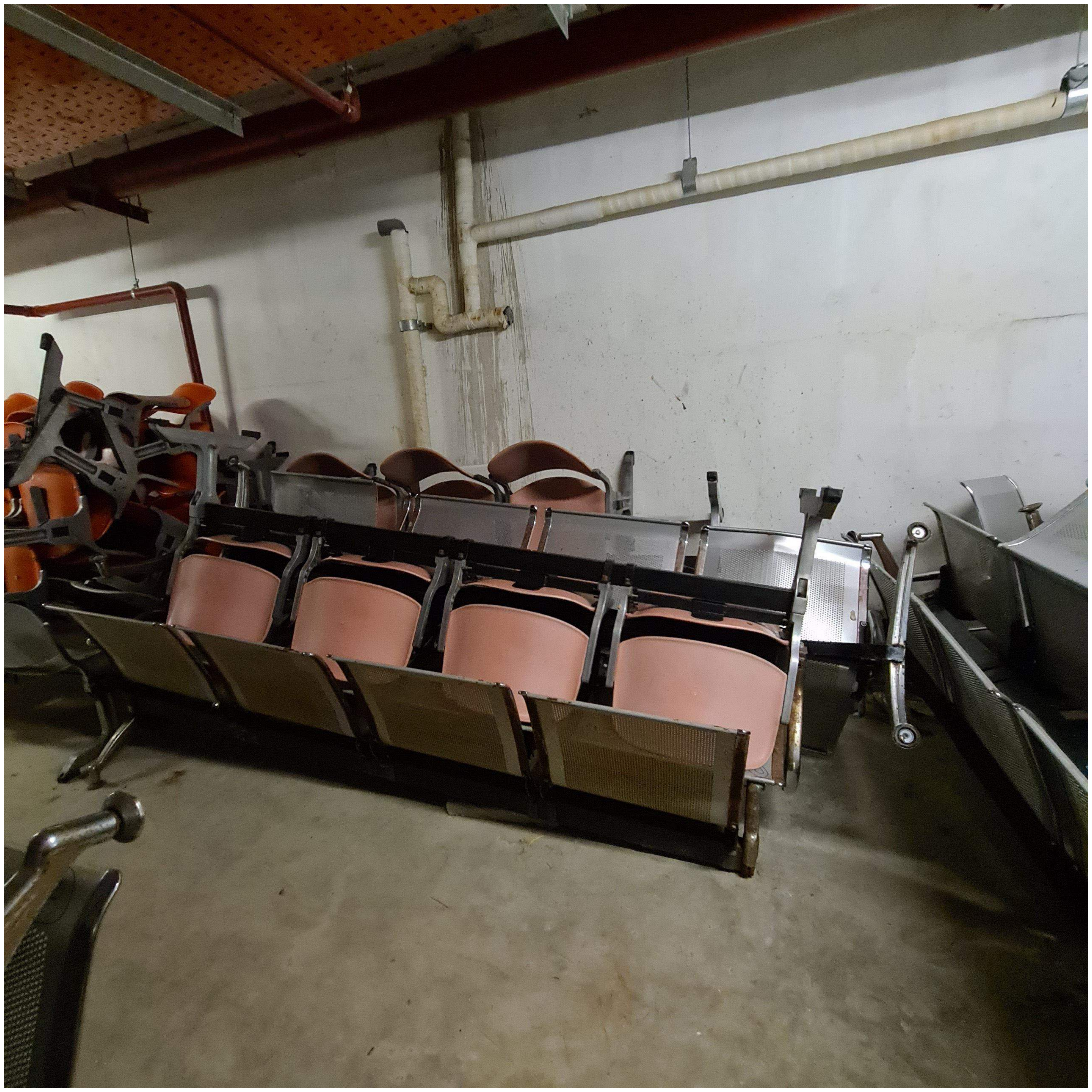
MB 140

43H
3068

43H 3068







PROD. NO. 1290965
SER. NO. 1290965
EC100DD64614538

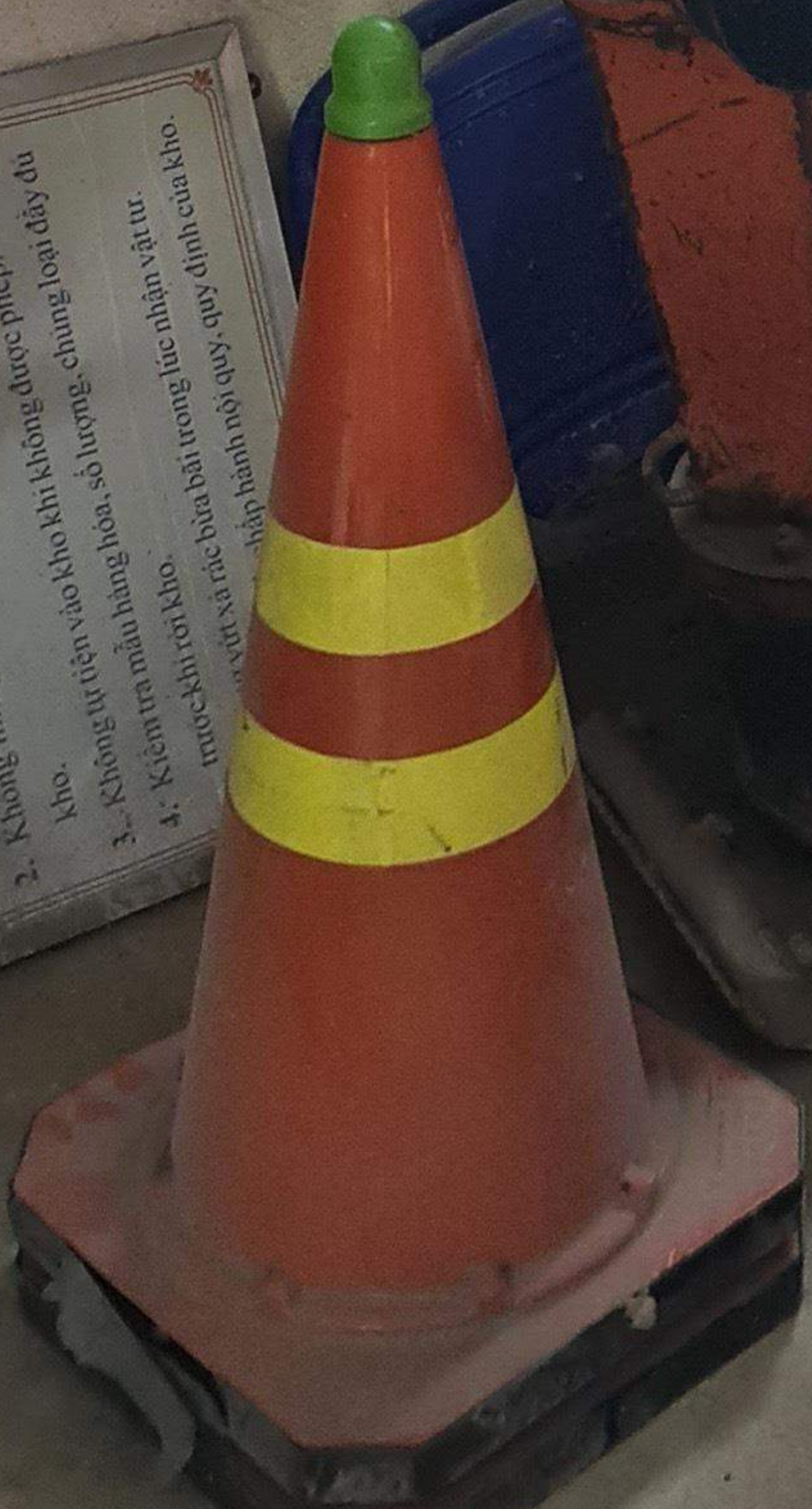






NO SMOKING
CẤM HÚT THUỐC

NỘI QUY KHO:
ĐỘI NHÂN VIÊN THUKHO:
1. Tuân thủ quy định phòng cháy chữa cháy.
2. Sắp xếp kho tàng ngăn nắp, gọn gàng.
3. Nghiêm túc chấp hành quy định phòng cháy chữa cháy.
4. Không được hút thuốc lá trong kho.
5. **ĐỘI NGŨ QUẢN LÝ VẬT TƯ:**
1. Phải có đầy đủ loại vật dụng để phòng cháy chữa cháy.
2. Không mang vật dụng khác vào kho.
3. Không tự tiện vào kho khi không được phép.
4. Kiểm tra màu hàng hóa, số lượng, chủng loại đầy đủ.
5. Không để hàng hóa quá cao, quá thấp, quá sát tường, quá sát trần, quá sát cửa kho.







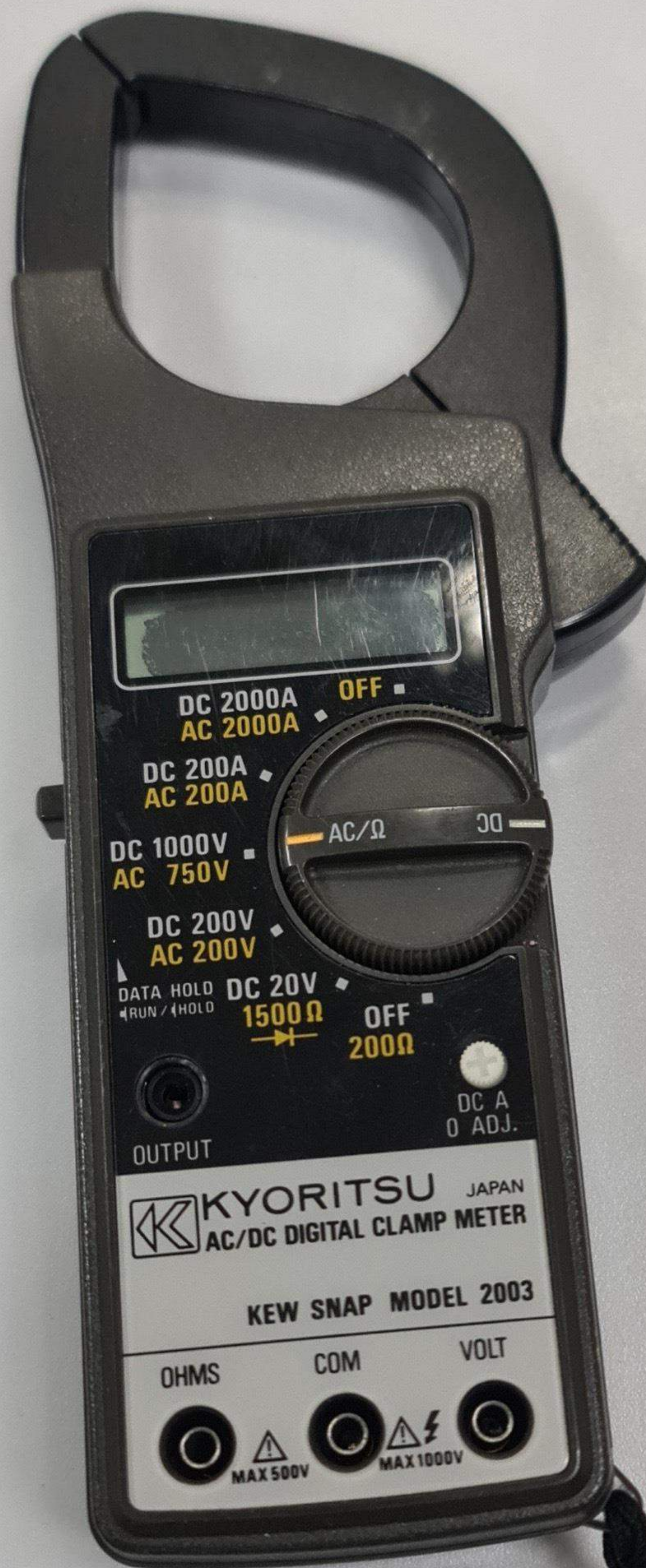
160
No
face up

MODEL
PL SHU
QTY

11
HP

HERMETIC COMPRESSOR





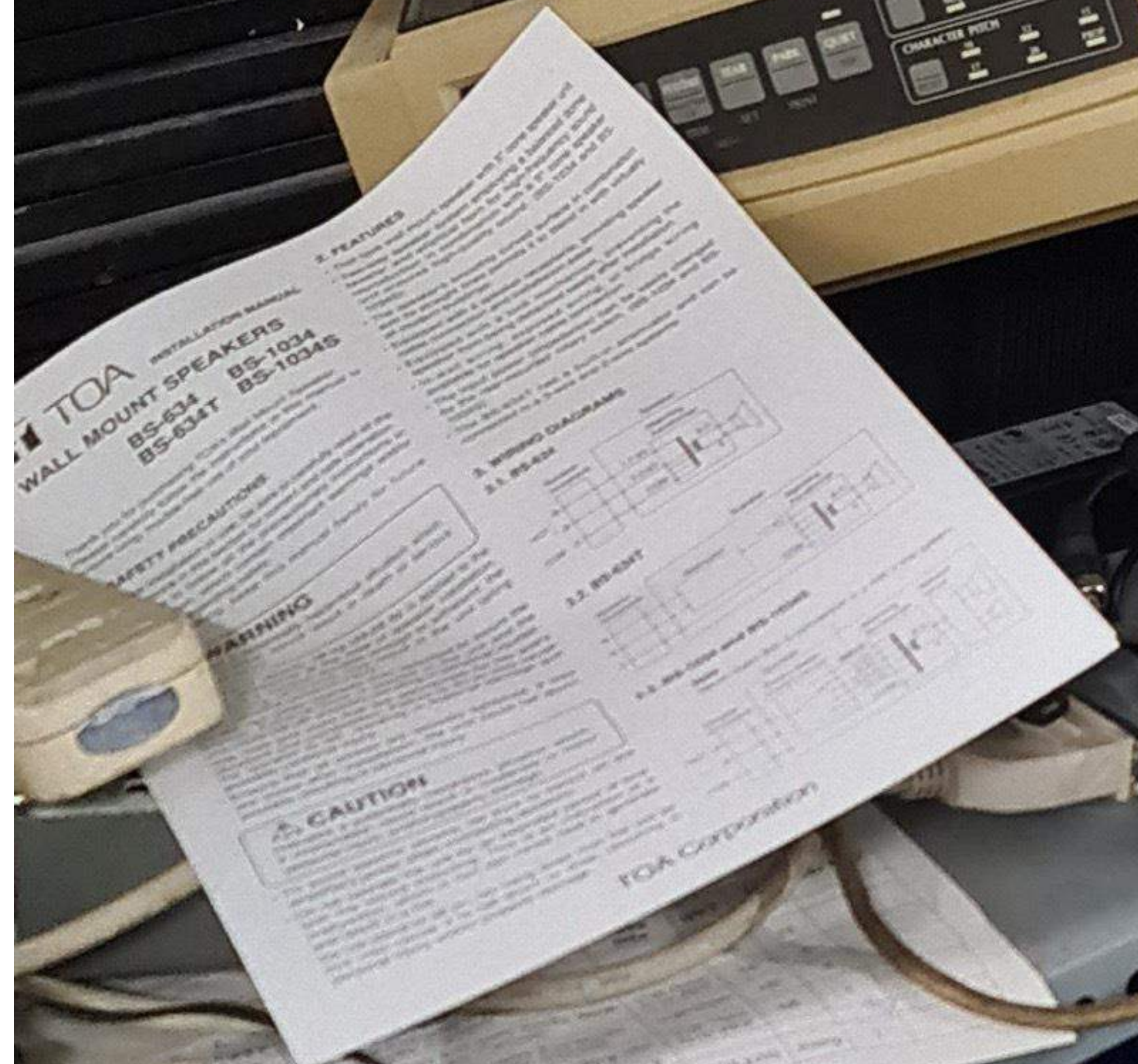


HE THONG CCTV

3/3

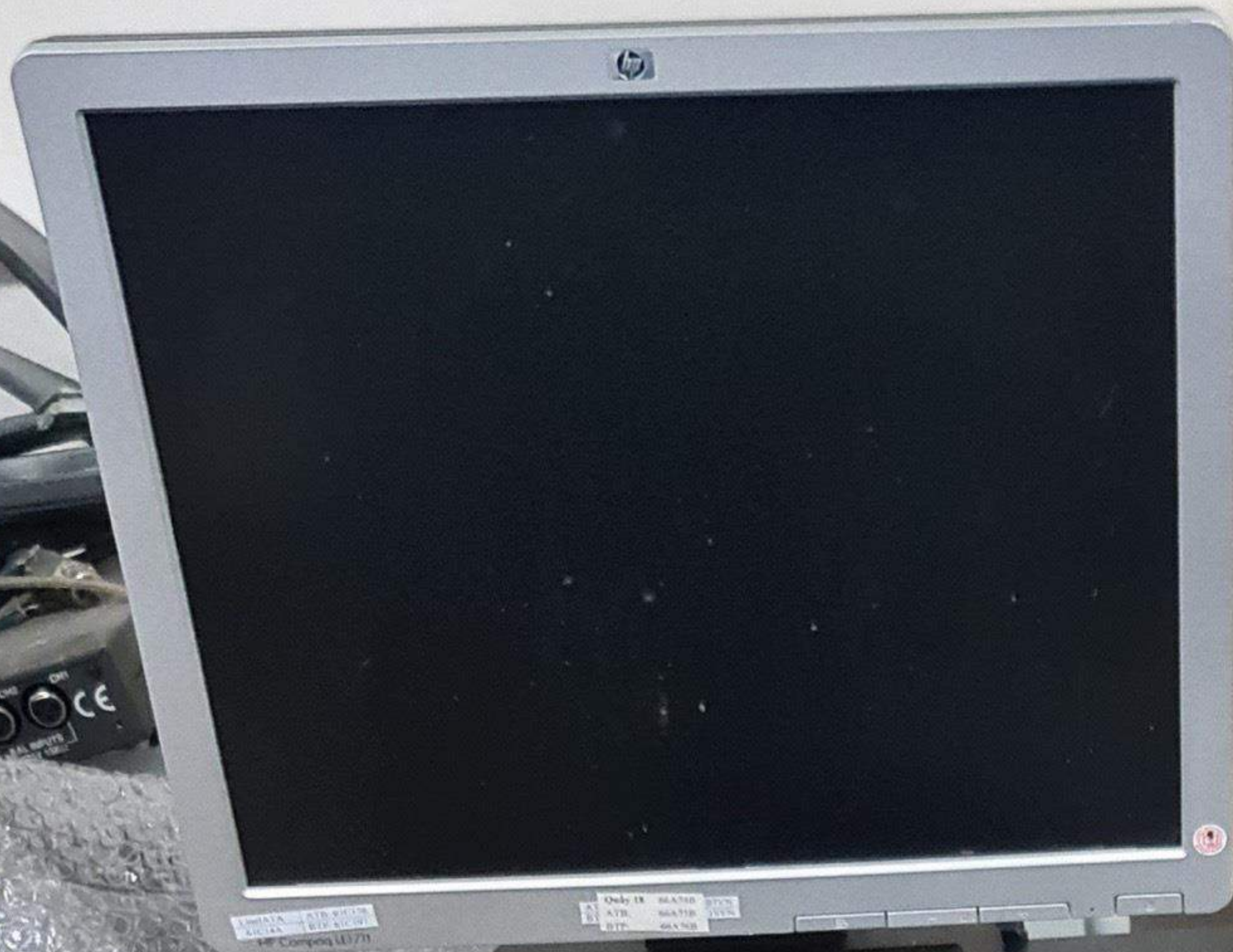


3/2



CCTV-05







BP-232X

Số 16

THGX

BC

PVSĐ 20

711K
107
2 17